

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2019.

Số: 393/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 372/2019/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng LH, sinh năm 1986; chứng minh thư nhân dân số: 125137010 do Công an tỉnh BN cấp ngày 22.5.2017; Địa chỉ: Lô đất B6, khu nhà đường Ngọc HCC, khu BS, phường VC, thành phố BN, tỉnh BN.

Bị đơn: Ông Đỗ TM, sinh năm 1984; chứng minh thư nhân dân số: 027084000136 do cục trưởng cục QLĐLQG về DC cấp ngày 21.7.2015; Địa chỉ: Số 43 tổ 1, phố Giáp Nhất, NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng LH, sinh năm 1986; chứng minh thư nhân dân số: 125137010 do Công an tỉnh BN cấp ngày 22.5.2017; Địa chỉ: Lô đất B6, khu nhà

đường Ngọc HCC, khu BS, phường VC, thành phố BN, tỉnh BN.

Bị đơn: Ông Đỗ TM, sinh năm 1984; chứng minh thư nhân dân số: 027084000136 do cục trưởng cục QL DLQG về DC cấp ngày 21.7.2015; Địa chỉ: Số 43 tổ 1, phố Giáp Nhất, phường NC, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Đặng LH và ông Đỗ TM thuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con: Bà Đặng LH và ông Đỗ TM có 02 con chung là Đỗ Đặng Bảo Linh, sinh ngày 30.10.2011 và Đỗ Đặng NL, sinh ngày 16.2.2017. Khi ly hôn, giao hai con chung cho bà Đặng LH trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ TM cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 9/2019 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Ông Đỗ TM có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Bà Đặng LH và ông Đỗ TM không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đặng LH chịu toàn bộ án phí ly hôn, án phí giao nuôi con bao gồm cả phần của ông Đỗ TM phải chịu, tổng án phí của vụ án là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0006167 ngày 23.7.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).